

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI
KHÔI LÁ TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hoạt động khác: - Thở: Đưa 2 tay lên cao, hít thở nhẹ nhàng; Đưa 2 tay sang phải, vươn mình lấy hơi thổi... - Tay: Đưa 2 tay vẫy cổ tay từ thấp lên cao, rồi hạ xuống kết hợp chân nhịp theo nhạc; Hai tay giang ngang, nghiêng người sang 2 bên.... - Chân: vỗ tay theo phách kết hợp giẫm chân theo nhạc.... - Bụng : Hai tay đưa cao, nghiêng người sang 2 bên; Hai tay giang ngang đồng thời khuỷu gối sang trái, phải. Hai tay giang ngang, gập tay trước ngực đồng thời quay người 90 độ... - Bật: Nhảy đá chân về phía trước thay phiên....
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	Hoạt động học: - Đi bước chéo sang ngang
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động:	

4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động:	- Đi trên dây - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi nôi bàn chân tiến, lùi - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. - Nhảy lò cò 5m - Bật xa 40 - 50cm. - Bật-Nhảy xuống từ trên cao (40cm-45cm) - Trèo lên, xuống liên tục 7 giống thang. - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x30cm.
5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Bò chui qua ống dài (1.5m*0.6m) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật liên tục vào vòng. - Bật qua vật cản cao 15- 20 cm - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. - Chạy chậm 100-120m - Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Lăn bóng bằng hai tay theo đường zichzac - Chuyển và bắt bóng qua đầu qua chân. - Ném xa bằng 1 tay. - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.

			Đập và bắt được bóng bằng 2 tay Ném trúng đích đứng bằng 1 tay (xa 2m*cao 1.5m) - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong gian 10 giây. - Đi thay đổi tốc độ, hướng, zích zắc theo hiệu lệnh - Bò zích zắc qua 7 điểm. - Bò vòng qua 5-6 điểm zíchzắc cách nhau 1,5m, ném xa bằng 2 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay. - Bật liên tục vào vòng, Ném trúng đích bằng 1 tay. - Đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Hoạt động khác: - Các loại cử động bàn tay , ngón tay và cổ bàn tay: bẻ, nắn. Lắp ráp. Tập các vận động: múa, thể dục...Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Bẻ, nắn. Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung.Tô, đồ theo nét. Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	

		- Tụ cài, cỏi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
8	MT8	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Hoạt động học: - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe; Thực hành một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống; Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Hoạt động khác: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
9	MT9	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
10	MT10	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
11	MT11	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản:	Hoạt động khác:

12	MT12	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dৌ/ giặt nước cho sạch. - Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cho trẻ làm quen để biết cách sử dụng một số ĐD trong ăn uống như: muỗng, đũa, chén, ly, đĩa, nồi, chảo....
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
13	MT13	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. Khi ăn không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.... - Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống và giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Che miệng khi ho ngáp hắt hơi - Giữ gìn đầu tóc gọn gàng - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.
14	MT14	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			

15	MT15	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Hoạt động khác: - Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm; - Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm; Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm. - Chơi ở nơi sạch và an toàn. - Không tự ý uống thuốc. - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép; - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên vỉa hè , đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên tàu xe. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào.
16	MT16	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	
17	MT17	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, -Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	
18	MT18	4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	

		- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	
19	MT19	4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
20	MT20	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	Hoạt động học: - Hay đặt câu hỏi; - Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.
21	MT21	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	
22	MT22	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được	

		tươi nước và không tươi, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Một số đặc điểm, tính chất của nước.
23	MT23	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loài cây, con vật. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây
24	MT24	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: cắt, dán, vẽ, xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện, thảo luận... - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại; - Gọi tên nhóm con vật theo đặc điểm chung.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
25	MT25	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ:	Hoạt động học:

		“Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;
26	MT26	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày; - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn. Làm ra sản phẩm không giống các bạn khác
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
27	MT27	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng
28	MT28	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động khác: - Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát; - Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
29	MT29	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Hoạt động học: - So sánh 3 nhóm số lượng và nói được kết quả. - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
30	MT30	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau và so sánh số lượng của các nhóm.
31	MT31	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách	Hoạt động khác:

		khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Thích đếm và hỏi về số lượng. - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chọn thẻ số tương ứng với số lượng đã đếm được. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. Chọn thẻ chữ số/viết số tương ứng với số lượng đã đếm được. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
32	MT32	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	
33	MT33	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	
34	MT34	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	
35	MT35	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
2. Sắp xếp theo qui tắc			
36	MT36	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc - Sáng tạo ra qui tắc sắp xếp. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
37	MT37	2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	
38	MT38	2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	
3. So sánh hai đối tượng			
39	MT39	3. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Lựa chọn dụng cụ để đo, đo dung cách như đặt thước đo nối tiếp đúng vị trí. Nói đúng kết quả đo

			- Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Lựa chọn dụng cụ để đo, đo dung cách như đặt thước đo nối tiếp đúng vị trí. Nói đúng kết quả đo
4. Nhận biết hình dạng			
40	MT40	4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
41	MT41	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật (Phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái; phía trong – phía ngoài) so với bản thân trẻ, so với bạn khác và so với 1 vật nào đó làm chuẩn. - Nói tên các ngày trong tuần theo thứ tự. Nói được ngày đầu, ngày cuối của tuần theo thứ tự. Nói được ngày đi học và ngày ở nhà - Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
42	MT42	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
43	MT43	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
44	MT44	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong	

		gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình, nhu cầu của gia đình, địa chỉ nơi ở, số nhà, số điện thoại của gia đình.
45	MT45	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình nơi trẻ đang sinh sống. (Tổ, khu phố, huyện thị, tỉnh)
46	MT46	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non.
47	MT47	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công việc, nơi làm việc của cô bác trong trường mầm non.
48	MT48	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công việc, nơi làm việc của cô bác trong trường mầm non.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
49	MT49	2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	Hoạt động khác: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
50	MT50	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động học: - Ngày hội đến trường của bé - Ngày quốc khánh 2/9 gia đình treo cờ tổ quốc, được nghỉ lễ. - Lễ hội trung thu rước đèn, phá cỗ

51	MT51	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Lễ hội mừng xuân, Lễ hội 8/3... Hoạt động khác: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
52	MT52	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	Hoạt động khác: - Thực hiện các yêu cầu chung mà tập thể đề ra. - Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, đồ dùng/ động vật/ thực vật... - Các từ khái quát rau, quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông... - Chăm chú lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối diện.
53	MT53	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	
54	MT54	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
55	MT55	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Biết sử dụng câu, từ để kể truyện đã được nghe, kể lại sự việc theo trình tự - Thể hiện được biểu cảm, nét mặt, cử chỉ giọng đọc, ngắt câu, nhịp khi đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... - Thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...theo ý thích của trẻ.
56	MT56	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	
57	MT57	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, ...	

58	MT58	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Đóng vai các nhân vật trong câu chuyện, thể hiện được cử chỉ, điệu bộ.... Hoạt động khác:
59	MT59	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	- Sử dụng từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.
60	MT60	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng đa dạng các loại câu: Câu đơn, câu phức, phủ định, nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt giao tiếp với người khác.
61	MT61	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Nói về hành động, tính cách, sở thích... của nhân vật
62	MT62	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng một số từ trong giao tiếp với bạn bè, người lớn... như xin chào, tạm biệt, con cảm ơn mẹ, ôi! Hôm nay bầu trời đẹp quá....
63	MT63	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói nhỏ trong lớp học hoặc đi thăm người ốm, nói chuyện riêng với cô, bạn... Nói to, rõ ràng khi phát biểu ý kiến, khi tham gia các trò chơi tập thể. Không la, hét ở những nơi công cộng, nơi đông người.
3. Làm quen với đọc, viết			
64	MT64	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.	Hoạt động học: - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói - Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Nhận dạng được 29 chữ cái Hoạt động khác: - ""Đọc"" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách
65	MT65	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	
66	MT66	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	
67	MT67	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	

68	MT68	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết. - Biết kể chuyện theo tranh
69	MT69	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Làm quen với cách đọc viết tiếng việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái; - Biết viết tên của bản thân theo cách của mình
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
70	MT70	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Hoạt động học: - Nói khả năng và sở thích riêng của bản thân. - Nói được tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...) - Sở thích, khả năng của bản thân. Dáng vẽ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác - Nói được vai trò của mình trong gia đình là con, em, cháu, chắt... - Trẻ vâng lời cha mẹ người thân và cô giáo.
71	MT71	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	
72	MT72	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẽ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	
73	MT73	1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	
74	MT74	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	

			- Thực hiện công việc được giao như : trực nhật, xếp đồ chơi, xếp nệm gối...
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
75	MT75	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	Hoạt động khác: - Làm một số công việc tự phục vụ hàng ngày và nhắc các bạn cùng tham gia. Tự giác hoàn thành công việc được giao.
76	MT76	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
77	MT77	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ. Thể hiện tình cảm với Bác qua các hoạt động. Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Tìm hiểu về danh lam thắng cảnh, phong tục tập quán, trang phục, đặc sản riêng...của từng miền. Hoạt động khác: - Hiểu được trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, biết ứng xử phù hợp. Trẻ biểu lộ được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân. Chúc mừng, động viên, khen ngợi khi bạn vui...
78	MT78	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	
79	MT79	3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	
80	MT80	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	
81	MT81	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
82	MT82	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			

83	MT83	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	Hoạt động khác: - Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà cha mẹ anh chị, đi chơi phải xin phép. - Thực hiện qui tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi...nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác. - Nhìn vào mặt người nói. Không cắt ngang lời khi người khác nói. - Không tranh giành hoặc chen ngang, phải xếp hàng chờ lượt. - Khi hoạt động nhóm, biết trao đổi ý kiến của mình với bạn để cùng nhau thực hiện. - Biết nhường nhịn bạn, khi xảy ra mâu thuẫn hay xung đột trẻ tự giải quyết, nếu không được biết đến nhờ cô, nhờ người lớn
84	MT84	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
85	MT85	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	
86	MT86	4.4. Biết chờ đến lượt.	
87	MT87	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	
88	MT88	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	
5. Quan tâm đến môi trường			
89	MT89	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động khác: - Bảo vệ và chăm sóc các con vật, cây cối. - Giữ vệ sinh chung: Bỏ rác đúng nơi quy định, cất đồ chơi đúng nơi ngăn nắp sau khi chơi, sắp xếp đồ dùng gọn gàng, tham gia quét, lau chùi nhà cửa; - Cùng các bạn và mọi người xung quanh giữ vệ sinh chung. Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi. - Thói quen văn minh, không xả rác. - Tắt điện nước trước khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, ăn hết xuất, chỉ lấy vừa đủ ăn.
90	MT90	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	
91	MT91	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	
92	MT92	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
93	MT93	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Lắng nghe và vận động phù hợp theo ý thích - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc. Hoạt động khác: - Thể hiện được thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Thể hiện thích thú trước cái đẹp
94	MT94	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	
95	MT95	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
96	MT96	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hoạt động học: - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em.
97	MT97	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	

98	MT98	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Nghe và thuộc một số bài hát mới - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
99	MT99	2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Vận động nhịp nhàng theo bài hát
100	MT100	2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Lựa chọn, tìm kiếm dụng cụ, nguyên liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.(Cát màu, hạt, đất nặn, hạt kim sa, lá cây, cành cây khô, hộp thuốc...)
101	MT101	2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, cắt, xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối
102	MT102	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ (nét xiên, cong tròn, nét thẳng đứng, nét ngang,nét gấp khúc...), để vẽ các bức tranh có đường nét và bố cục đẹp, cân đối. Chọn màu sắc phù hợp với chi tiết, họa tiết trong bức tranh.
103	MT103	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Cắt lượn, cắt rời các hình không bị rách. - Bôi hồ khéo léo, đặt hình ước thử và dán vào. Biết miết hình dán để không bị nhăn. - Nặn các sản phẩm có 2-3 khối kết hợp, nặn kéo các chi tiết từ một khối đất tạo thành sản phẩm có bố cục và màu sắc phù hợp, hài hòa cân đối. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản; - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
104	MT104	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Hoạt động học: -Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các họa động khác nhau -Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Gõ đệm bằng các dụng cụ theo tiết tấu tự chọn - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
105	MT105	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	
106	MT106	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
107	MT107	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

Ban giám hiệu

Khối trưởng

Đặng Thị Tới

Phạm Thị Phương Thảo